

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TP. HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----*&-----

Bản án số: 158/2017/HSST

Ngày: 20/11/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Trường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Đăng Dũng

2. Bà Trần Thị Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 20/11/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 174/2017/HSST ngày 24 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Phạm Đức H, sinh năm: 1992; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: Khu tập thể Đ, thôn D, xã M, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Phạm Hoàng H và bà Mai Thị Hương T; Tiền án, tiền sự: Không. Danh chỉ bản số 329 ngày 31/7/2017 do Công an huyện Đ lập. Về nhân thân: Căn cứ vào Danh chỉ bản, bản án xác định bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Tạm giữ từ ngày 30/7/2017 đến ngày 05/8/2017, tạm giam từ ngày 05/8/2017 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị **Nguyễn Thị Minh N**, sinh năm 1997; Trú tại: Thôn M, xã M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Mai Thị Hương T**, sinh năm 1970; Trú tại: Thôn D, xã M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Bị cáo Phạm Đức H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng tháng 02/2017, chị Nguyễn Thị Minh N quen biết bị cáo H thông qua chị họ là Phạm Thị Thanh L (sinh năm 1983; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn L, xã M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội) giới thiệu. Bị cáo H nhắn tin, gọi điện từ số thuê bao 01699498572 đến số thuê bao 01663600076 của chị N, để kết bạn, sau đó hai người nảy sinh tình cảm nên đã gặp nhau và có quan hệ tình dục với nhau nhiều lần. Mỗi lần quan hệ tình dục, được sự đồng ý của chị N, bị cáo H dùng máy điện thoại Iphone 6S để ghi hình và chụp ảnh lại những hình ảnh hai người quan hệ tình dục. Khi hai người không gặp được nhau, chị N thỉnh thoảng chụp hình khóa thân của mình gửi cho bị cáo. Trong thời gian quen nhau, bị cáo H nhiều lần hỏi vay tiền chị N với tổng số tiền là 14.800.000 đồng. Bị cáo H tiêu xài hết số tiền trên. Khoảng tháng 5/2017, bị cáo H hỏi vay tiền chị N tiền nhưng chị N nói không có. Bị cáo H không liên lạc, gặp gỡ với chị N nữa. Không có tiền tiêu xài, đầu tháng 6/2017 bị cáo H nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị N nên bị cáo H sử dụng Nick Facebook tên “Nguyễn Phi H1” làm quen, kết bạn với Nick facebook "Ngọc N" của chị N. Qua facebook, bị cáo H tự giới thiệu tên là H1, đang làm dịch vụ cầm đồ ở G, hiện tại đang giữ 01 máy tính laptop của một khách hàng đến cầm cố có lưu hình ảnh, video nhạy cảm của chị N, nếu chị N muốn lấy lại phải đưa cho H 10.000.000 đồng. Chị N không đồng ý và chặn Nick facebook này. Bị cáo H tiếp tục lập Nick facebook "Anh M" và kết bạn với Nick facebook "Ngọc N". Bị cáo H gửi hình ảnh, video khóa thân của chị N từ Nick facebook “Nguyễn Phi H1” sang Nick facebook "Anh M", rồi đăng hình ảnh khóa thân của chị N lên trang cá nhân Nick facebook "Anh M" để chị N lên Facebook sẽ nhìn thấy, mục đích đe dọa, gây sức ép buộc chị N phải đưa tiền.

Đầu tháng 7/2017, bị cáo H dùng số thuê bao 01253077653 nhiều lần nhắn tin vào số thuê bao 01663600076 của chị N, đe dọa, yêu cầu chị N phải đưa cho H số tiền 10.000.000 đồng nếu không sẽ đăng ảnh của chị N lên Facebook. Chị N nói mình là sinh viên không có 10.000.000 đồng, chỉ có 3000.000 đồng. Bị cáo H không đồng ý, yêu cầu chị N phải đưa 5000.000 đồng, hẹn cuối tháng 7/2017 sẽ liên lạc lại để lấy tiền.

Ngày 28/7/2017, bị cáo H nhắn tin, yêu cầu chị N mang tiền đi chuộc ảnh và máy laptop. Chị N nói chỉ có 4.000.000 đồng, bị cáo H yêu cầu phải đủ 5000.000 đồng và hẹn gặp sau.

Khoảng 11 giờ ngày 30/7/2017, bị cáo H đang ở nhà tại D, M, Đ, Hà Nội, H tiếp tục dùng số thuê bao 01253077653 nhắn tin đến số thuê bao 01663600076 của chị N, yêu cầu chị N mang 5.000.000đ đến quán cà phê “Mộc” ở khu đô thị V, L, Hà Nội đưa tiền và nhận ảnh cùng máy laptop.

Cùng ngày, chị N đến Công an huyện Đ trình báo sự việc.

Vật chứng tạm giữ trên người bị cáo H và khi khám xét khẩn cấp nơi ở của H: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu sơn đỏ-đen, biển kiểm soát: 29L1 - 36971, số khung: RLHJF4601DY285011, số máy: JF4GE4151500; 01 ĐTDĐ Nokia E72, vỏ màu trắng, kèm sim: 01273077653; 01 điện thoại di động Iphone 7, vỏ màu đen, kèm sim: 0985252692; Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 3.200.000 đồng; 01 USB vỏ màu xanh xám có chữ SP 8G; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Acer, vỏ máy màu xám; 02 chiếc USB vỏ màu đen nhãn hiệu CEFC; 01 USB vỏ bằng kim loại màu sáng có chữ DTSE9 8G; 01 đầu thẻ nhớ màu đen có chữ ADAPTER MICROLG; 01 sim điện thoại Viettel có số sim 8984048604068358536; 01 sim điện thoại Viettel có số sim: 8984048504058146850.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu sơn đỏ-đen, biển kiểm soát: 29L1 - 36971, số khung: RLHJF4601DY285011, số máy: JF4GE4151500, bị cáo H khai: Năm 2014, mua của một người đàn ông lạ mặt tại M, T, Hà Nội với giá 35.000.000đồng, có giấy đăng ký xe nhưng không viết giấy tờ mua bán. Quá trình sử dụng, H đã làm mất giấy đăng ký xe.

Kết quả tra cứu tại PC67 - Công an TP Hà Nội xác định: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu sơn đỏ-đen, số khung: RLHJF4601DY285011, số máy: JF4GE4151500 đăng ký tên anh Đào Thế Q (sinh năm 1991; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú Xóm T, N, P, Thái Nguyên). Anh Q trình bày: Khoảng tháng 9/2013, anh Q mua chiếc xe máy trên với giá 39.000.000 đồng, đăng ký mới biển kiểm soát: 20H1 - 166.90. Đến khoảng tháng 10/2013 anh Q bị trộm cắp chiếc xe máy trên tại một quán nước ven đường Quốc lộ 3, địa chỉ Đ, Hà Nội. Anh Q không trình báo Cơ quan công an.

Đối với biển kiểm soát: 29L1 - 36971, tra cứu tại PC67 - Công an Thành phố Hà Nội xác định người đăng ký xe là anh Đinh Xuân V (sinh năm

1974; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: P, P, B, Hà Nội). Anh Đinh Xuân V trình bày hiện tại anh V vẫn đang sử dụng chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream, sơn màu nâu, SM: 8126011; SK: 8126011, biển kiểm soát: 29L1 - 36971, trong quá trình sử dụng anh V không bị mất biển kiểm soát: 29L1 - 36971.

Ngày 03/10/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra quyết định xử lý vật chứng, trao trả cho anh Đào Thế Q chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, màu sơn đỏ-đen, số khung: RLHJF4601DY285011, số máy: JF4GE4151500.

Đối với chiếc biển kiểm soát: 29L1 – 36971 xác định là biển kiểm soát giả.

Đối với số tiền 14.800.000 đồng bị cáo H vay của chị N, ngày 26/8/2017 bà Mai Thị Hương T (sinh năm: 1970; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: D, M, Đ, Hà Nội - Là mẹ bị cáo H) tự nguyện giúp H trả cho chị N số tiền 14.800.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự của bị cáo, chị N không yêu cầu bồi thường và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

Đối với 02 chiếc USB vỏ màu đen nhãn hiệu CEFC; 01 USB vỏ bằng kim loại màu sáng có chữ DTSE9 8G; 01 đầu thẻ nhớ màu đen có chữ ADAPTER MICROLG; 01 sim điện thoại Viettel có số sim 8984048604068358536 và 01 sim điện thoại Viettel có số sim: 8984048504058146850 là tài sản hợp pháp của bị can H, không sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, ngày 03/10/2017, Cơ quan điều tra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả cho bà Mai Thị Hương T theo đề nghị, ủy quyền của bị cáo H.

Đối với chiếc điện thoại di động NOKIA E72 kèm theo sim số thuê bao 01273077653, 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Acer và 01 USB vỏ màu xanh xám có chữ SP 8G xác định là công cụ bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với chiếc điện thoại di động Iphone 7 kèm theo sim số thuê bao 0985252692 và số tiền 3.200.000đồng là tài sản cá nhân của bị cáo H, Cơ quan điều tra chuyển Chi cục Thi hành án huyện Đ, phục vụ công tác đảm bảo thi hành án.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 6S, bị cáo H sử dụng quay lại hình ảnh chị N và H quan hệ tình dục, bị cáo H khai: Khoảng tháng 6/2017, do cần tiền tiêu xài nên H đã bán chiếc điện thoại trên cho một người đàn ông (không rõ tên tuổi, địa chỉ) tại một quán cà phê ở quận C, Hà Nội (không nhớ tên quán,

địa chỉ cụ thể) với giá 6.000.000đồng. Số tiền trên, H đã tiêu sài cá nhân hết, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để truy tìm.

Đối với hành vi phát tán hình ảnh, video clip khóa thân, quan hệ tình dục của chị N lên các trang Facebook. Ngày 19/9/2017, Cơ quan điều tra đã đề nghị Phòng PC50 - Công an TP Hà Nội phối hợp điều tra. Phòng PC50 xác định: Việc gửi thông tin hình ảnh, video là riêng tư, không công khai trên dòng thời gian của tài khoản Facebook nên không xác định được lượt thích, chia sẻ và người truy cập xem hình ảnh, video. Ngoài ra, không xác định được việc phát tán hình ảnh, video của chị N từ các tài khoản Facebook “Anh M”, “Nguyễn Phi H1” cho các tài khoản Facebook khác. Vì vậy không đánh giá được mức độ hậu quả hành vi phát tán hình ảnh, video clip khóa thân chị N của Phạm Đức H.

Tại bản cáo trạng số 165/CT - VKS ngày 19/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố Phạm Đức H có lý lịch như đã nêu trên ra trước Toà án nhân dân huyện Đ để xét xử về tội: “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng số 165/CT - VKS ngày 19/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố Phạm Đức H.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt: Phạm Đức H từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.
- Áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:
 - Tịch thu sung công quỹ chiếc điện thoại di động NOKIA E72 kèm theo sim số thuê bao 01273077653, 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Acer và 01 USB vỏ màu xanh xám có chữ SP 8G là công cụ bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội.
 - Trả lại bị cáo chiếc điện thoại di động Iphone 7 kèm theo sim số thuê bao 0985252692 và số tiền 3.200.000đồng là tài sản cá nhân của bị cáo H.

- Tịch thu tiêu hủy chiếc biển kiểm soát: 29L1 - 36971.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY

Tại phiên toà, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Tại Điều 135 Bộ luật hình sự quy định về tội “Cưỡng đoạt tài sản” như sau:

“1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm”

Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án, phù hợp với vật chứng vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Phạm Đức H đã phạm tội: “Cưỡng đoạt tài sản”. Tội và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự với hình phạt tù từ một năm đến năm năm.

Hành vi dùng thủ đoạn uy hiếp tinh thần của bị cáo đối với chị Nguyễn Thị Minh N nhằm mục đích buộc chị N phải giao số tiền 5.000.000 đồng cho bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm phạm đến quyền nhân thân và tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ.

Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự. Song vì mục đích chiếm đoạt tài sản nên bị cáo vẫn cố tình phạm tội.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về nhân thân: Bị cáo có quá trình nhân thân tốt. Ngoài lần phạm tội này bị cáo là công dân chấp hành đúng chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng.

- Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, bị cáo đều đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; Theo quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm p khoản 1 và khoản 2 (người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt) Điều 46 Bộ luật hình sự.

Từ những đánh giá, phân tích trên xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ. Hội đồng xét xử xét thấy nên giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội cũng có tác dụng giáo dục bị cáo và thể hiện nguyên tắc xử lý khoan hồng của pháp luật.

- Về xử lý vật chứng:

- Xác định chiếc điện thoại di động NOKIA E72 kèm theo sim số thuê bao 01273077653, 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Acer và 01 USB vỏ màu xanh xám có chữ SP 8G là công cụ bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội là công cụ bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Xác định chiếc điện thoại di động Iphone 7 kèm theo sim số thuê bao 0985252692 và số tiền 3.200.000đồng là tài sản cá nhân của bị cáo H nên trả lại cho bị cáo.

- Xác định biển kiểm soát: 29L1 - 36971 là biển kiểm soát giả nên cần tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung công quỹ Nhà nước.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Đức H** phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”

* Áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm p khoản 1, khoản 2 (người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo) Điều 46; Khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự:

- **Xử phạt:** **Phạm Đức H 15 (mười lăm)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **30 (ba mươi)** tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 4 Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả tự do ngay tại phiên tòa cho các bị cáo Phạm Đức H.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách bản án.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước chiếc điện thoại di động NOKIA E72 kèm theo sim số thuê bao 01273077653, 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Acer và 01 USB vỏ màu xanh xám có chữ SP 8G.

- Tịch thu tiêu hủy chiếc biển kiểm soát: 29L1 - 36971.

- Trả lại bị cáo chiếc điện thoại di động Iphone 7 kèm theo sim số thuê bao 0985252692 (Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/10/2017 giữa Công an huyện Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ).

- Trả lại bị cáo số tiền 3.200.000đồng theo Giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 23 tháng 10 năm 2017 nộp vào tài khoản số 3949 tại Kho bạc Nhà nước huyện Đ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

* Áp dụng khoản 2 điều 99, điều 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai, sơ thẩm: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ.
- Công an huyện Đ.
- Bị cáo.
- Người bị hại (vắng mặt).
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mậu Trường